

# XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

○ PGS.TS. PHẠM HỒNG QUANG\*

## 1. Các luận điểm

*Mô hình trường đại học (DH) hiện đại phải đảm bảo 9 yêu cầu cơ bản sau đây: 1) Là trung tâm ĐT chất lượng cao; 2) Là trung tâm tập hợp gồm những SV có năng lực trí tuệ phát triển ở mức độ cao; 3) Là cộng đồng toàn tâm toàn ý sáng tạo trong NCKH; 4) Là trung tâm bồi dưỡng cấp nhật văn hoá và hoàn thiện Tri thức; 5) Có liên thông hợp tác ĐT, NCKH và chuyển giao công nghệ; 6) Là trung tâm giải quyết các vấn đề khoa học của địa phương và đất nước, khu vực và thế giới; 7) Là trung tâm tư vấn về khoa học công nghệ cho các cấp quản lý để từ đó có quyết định đúng đắn dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn; 8) Là một cộng đồng gồm các thành viên tích cực tham gia xây dựng nền văn hoá hoà bình; 9) Phải luôn thích ứng với nhịp sống hiện đại, phù hợp với đặc điểm yêu cầu của mỗi quốc gia và phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Một quan niệm về giáo dục rất đáng chú ý: *Giáo dục là một thứ quyền và là một đặc quyền mà người nhận phải bỏ công sức ra để được hưởng, chứ không phải là một món hàng được bán ra bởi các nhà quản lý và các giảng viên.* Nghiên cứu thực tế ở ĐH Long Beach và Columbia University of Education (Hoa Kỳ, 2010) đã cho thấy các trường xác định tầm nhìn như sau: *Chuyển tải kiến thức và hiểu biết bền vững, khơi nguồn cảm hứng cho toàn cầu; với giá trị: suy nghĩ phía trước, hợp tác, cam kết chất lượng là tâm điểm cho các HD; truyền cảm hứng cho mọi thành viên, tạo ra một môi trường gồm các giảng viên cùng nhau nghiên cứu đưa ra các chương trình, nội dung, lĩnh vực cần đổi mới... Đây có thể được coi là các nhân tố cơ bản tạo lập môi trường tốt nhất cho các cơ hội học tập và nghiên cứu sáng tạo - điều kiện đảm bảo cho một trường ĐH có được chỉ số hấp dẫn cao.**

Ngành quyết Đại hội Đảng lần thứ XI đã xác định quan điểm đổi mới căn bản và toàn diện

giáo dục. Do vậy, GDDH, theo chúng tôi, phải đổi mới theo các phương án sau đây: *ĐT gắn với nhu cầu xã hội về nhân lực gồm những yêu cầu mới; ĐT theo chuẩn, đảm bảo chất lượng; phát triển giáo dục tôn trọng các quy luật của kinh tế thị trường, hệ thống giáo dục cần phải thích ứng với yêu cầu mới của thời đại.* Trường ĐH ở Việt Nam đang phải quyết mâu thuẫn cơ bản: *giữa tinh chất và xu hướng của thị trường hoá chi phối các HD GD-ĐT với chức năng của trường ĐH là phát triển văn hoá, khoa học và tăng cường hiểu biết cho dân chúng.* Mục tiêu GDDH nhằm ĐT ra những con người năng động sáng tạo, tự chủ, có óc phê phán, có năng lực giải quyết vấn đề mới nảy sinh, có năng lực tạo nghiệp, liên thân, lập nghiệp trong «thị trường sức lao động». Người có trình độ ĐH phải có năng lực tự học và sáng tạo, biết tổ chức nghiên cứu và triển khai các ý tưởng khoa học và phát triển những năng lực và phẩm chất tốt đẹp của một chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn và lĩnh vực xã hội khác.

*Thành phần cơ bản của môi trường GDDH.* Thành tựu của Tâm lý học đã xác định quy luật cơ bản trong quá trình nhận thức chính là quá trình «chuyển vào trong» các yêu cầu khách quan thành cái chủ quan của con người. Đối với giáo dục, có thể hiểu quá trình giáo dục với mục tiêu là chuyển vào trong các nội dung học vấn biến nó thành niềm tin và hành động. Cơ sở lý luận giáo dục đã xác định vai trò của các nhân tố đối với sự hình thành và phát triển nhân cách, đó là: Yếu tố sinh học - di truyền làm nền tảng, yếu tố môi trường là quyết định, yếu tố giáo dục giữ vai trò chủ đạo, nhưng yếu tố tự HD của cá nhân là yếu tố quyết định trực tiếp. Trong quá trình HD của cá nhân, sự tiếp nhận các ảnh hưởng chính là sự lựa chọn từ 2 yếu tố tác động: + *Yếu tố bên trong*

\* Trường Đại học sư phạm - ĐH Thái Nguyên

của môi trường giáo dục nhà trường. Đó là: chương trình - nội dung bao gồm: mức độ mới của kiến thức, sự cần thiết của tri thức - học vấn đối với người học ở mức độ và liều lượng phù hợp; yếu tố phương pháp dạy của giảng viên; cách đánh giá của cơ quan quản lý giáo dục; các mức độ khuyến khích (khen thưởng); môi trường vật chất và các điều kiện học tập. Trong yếu tố bên nội lực, việc chủ thể duy trì tâm trạng hào hứng trong môi trường giao tiếp thân thiện, lịch sự là nhân tố cực kỳ quan trọng; + **Yếu tố bên ngoài**: đó là sự thừa nhận của người sử dụng nhân lực về văn bằng và kết quả học tập. Kết quả khảo sát thực tiễn đã cho thấy: vẫn tồn tại hiện tượng tuyển dụng thông qua các quan hệ có nhân, đánh giá thiếu khách quan do vậy người yếu kém vẫn có thể có cơ hội tốt hơn người giỏi. Điều này có tác động ngược trở lại trường ĐH, ảnh hưởng xấu đến SV có kết quả học tập tốt trong quá trình học tập ở trường ĐH. Do vậy, có thể xuất hiện xu hướng là nhà tuyển dụng theo tiêu chí trình độ bằng cấp nào thì trường ĐH sẽ tạo ra những SV có những tiêu chí đó. Cần có sự công bằng giữa hai yếu tố trên (gồm những nhân tố tích cực) bên trong và bên ngoài trường học mới có thể tạo động lực tốt cho người học, mới có thể đảm bảo chất lượng thực của GDDH.

Khi xác định động lực, động cơ dạy của giảng viên ĐH cần quan tâm đến các khía cạnh thực tiễn sau đây: Phần lớn giảng viên khi tham gia giảng dạy coi trọng mục tiêu vì danh dự, uy tín chuyên môn của nghề nghiệp để nỗ lực cố gắng; một số giảng viên vì mục tiêu để có thu nhập cao hơn; một số ít mong muốn để có cơ hội để thăng tiến trong chuyên môn và những tác động khác đến động cơ giảng dạy. Tuy nhiên, trong các nhân tố tác động đến động lực dạy của giảng viên ĐH hiện nay đã xuất hiện những áp lực sau đây: có sự quá tải trong giảng dạy của một số giảng viên có trình độ; một số giảng viên có quan hệ tiêu cực với SV về tài chính làm lệch lạc điểm số, dẫn đến sự thiếu khách quan trong đánh giá (bệnh thành tích, kết quả sai lệch); có sự lãng phí nguồn lực giảng viên ĐH do một số tham gia vào công tác quản lý hoặc điều chuyển công tác; có hiện tượng cơ cộm, «bao sãn» ở một số ngành, một số trường dẫn đến sự lãng phí, làm giảm động lực dạy của những giảng viên giỏi ở nhóm coi trọng danh dự, uy tín chuyên môn. Do vậy, nó có ảnh hưởng xấu đến người giảng viên khi thực hiện nhiệm vụ chuyên hoá các yêu cầu khách quan (bên ngoài) thành cái chủ quan (bên trong) của người học làm cho

họ tự ý thức được các nhiệm vụ học tập; tổ chức các hình thức học tập theo dạng: dạy học giải quyết vấn đề, dạy học theo cách xử lý tình huống, dạy học thảo luận nhóm... nhằm giải quyết mâu thuẫn của nội dung dạy học.

2. **Giải pháp phát triển môi trường GDDH.** Về nguyên tắc, yếu tố tạo nên tính chất quyết định của môi trường (có tính chất xã hội của con người) chủ yếu bởi mức độ tham gia của cá nhân chiếm lĩnh, tiếp thụ, chuyển hóa các điều kiện bên ngoài trở thành động lực bên trong của chủ thể. Hay nói một cách khác, HD của chủ thể nhân cách là thành tố quyết định trực tiếp đối với sự hình thành và phát triển của nhân cách đó. Do vậy, các quan điểm *tự giáo dục, tự học, tự quản, tự đánh giá...* được hình thành ở người học (được coi là kết quả bền vững của giáo dục) chính là sự tôn trọng quy luật này. Giáo dục nhân cách chỉ có thể được coi là phát triển bền vững khi các thành phần giáo dục làm cho chủ thể đạt được kết quả bởi HD của chính bản thân con người. Nguyên tắc này không mới, nhưng trong thực tế giáo dục chưa được quan tâm đầy đủ, nhất là trong bối cảnh xã hội hiện đại, nhiều hành vi xấu của người học không phải từ kết quả, phương pháp giáo dục nhà trường đem lại mà bởi chính tác động xấu của môi trường xã hội mà họ đã được chủ thể tiếp nhận. Tuy nhiên, với chức năng *chủ đạo*, với trách nhiệm của giáo dục nhà trường cần *định hướng sớm và đầy đủ* đối với các tác động hệ thống gồm những tiêu chí cơ bản cần hoàn thiện trước và trong quá trình ĐT.

- **Hoàn thiện tiêu chí môi trường giảng dạy** ở phạm vi cấp trường gồm các thành phần:  
+ CSVC gồm diện tích phòng học đủ chuẩn (cải tiến trang trí lớp học), bàn ghế thiết kế đơn, có thể xếp đặt linh hoạt; có máy chiếu, máy tính, mạng Internet...; có tài liệu và công cụ hỗ trợ giảng dạy (bảng thông minh, bảng từ, các học liệu đơn giản, máy phôtô); + **Học liệu cứng**, gồm: giáo trình, đề cương bài giảng, đề cương môn học, tài liệu tham khảo chính, kết quả nghiên cứu (công trình, bài báo khoa học); địa chỉ các Website học tập; + **Quan hệ giữa giảng viên và SV** (đây là thành tố cơ bản) gồm 3 môi trường HD: Trên lớp gồm giao tiếp được định lượng bởi các vấn đề được nêu ra, thảo luận, các câu hỏi, các phương án, số lần SV tích cực trả lời; xử lý đúng các ý kiến phản hồi từ SV; các quan hệ xung quanh nội dung dạy học là quan hệ lời. **Ngoài giờ lên lớp** gồm các HD giúp đỡ riêng, chữa bài tập; hướng dẫn đọc tài liệu; chỉ dẫn hoặc hướng dẫn đi thăm quan thực tế. **Hội nghị**

khoa học gồm cấp ngành (do giảng viên giới thiệu, SV tham gia), cấp trường (SV được huy động tham gia), cấp khoa/bộ môn (SV chủ động tham gia), hoặc do SV tự tổ chức: + Quan hệ giữa SV với cộng đồng: chủ yếu đánh giá khả năng lan tỏa khi SV triển khai các HĐ: khoa học, văn hóa, từ thiện với cộng đồng; coi trọng khả năng vận động tuyên truyền và khuyến học, triển khai các vấn đề xã hội... Tóm lại, những tiêu chí trên đây bao gồm các điều kiện CSVC và các quan hệ tập trung hướng vào mục tiêu giảng dạy, học tập.

- **Hoàn thiện tiêu chí môi trường khoa học - công nghệ**, bao gồm:

a) **HĐ khoa học - công nghệ của cán bộ và SV**. Có 3 dạng HĐ: - **Quan hệ hàng dọc** từ đời ngũ GS, PGS, TS tác động đến người học (NCS, cao học, SV) gồm sự chỉ dẫn, phân công, yêu cầu... trong qua hệ chuyên môn, về cơ bản đây là quan hệ điều hành - chấp thuận, ít có xung đột chuyên môn. Ảnh hưởng tích cực bởi sức lan tỏa của nhà khoa học có uy tín đến thế hệ kế tiếp, người học được tiếp thụ những ý tưởng mới, phong cách khoa học có tính chất trường phái khoa học. Tuy nhiên, ảnh hưởng từ quan hệ này không phải hoàn toàn tích cực bởi sẽ xuất hiện sự nấp bóng hoặc cây cao bóng cả bao trùm thế hệ trẻ. Do vậy hạn chế sức bật của thế hệ trẻ, khắc phục hiện tượng này, ở ĐH Mĩ người ta hạn chế giữ lại SV đã học ở trường bởi họ tôn trọng sự đa dạng và phong cách mới từ những giảng viên đến từ cơ sở ĐT khác; - **Quan hệ hàng ngang** gồm: các đồng nghiệp với nhóm cùng tác HĐ tương tác trong chuyên môn, ví dụ cùng chủ trì viết sách, giáo trình, đề tài, các HĐ chung; cùng tham gia các hội nghị theo nhóm hoặc cộng tác viết bài; - **Quan hệ tổng hợp** gồm: mối quan hệ giữa chủ nhiệm đề tài, dự án (gồm 2 dạng HĐ ở trên) với các cơ quan quản lí trong trường (khoa/bộ môn) với cơ quan ngoài trường (cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu hoặc các tổ chức khác). Cơ chế của các quan hệ trên đây dựa trên các văn bản pháp quy, tuy nhiên để tăng cường chất lượng hợp tác khoa học cần giải quyết các vấn đề lợi ích (vật chất, tinh thần) trong các khâu: đề xuất, triển khai và đánh giá. Chính sách của cơ sở GDDH chính là yếu tố thúc đẩy, tạo sức hút với người tham gia khoa học dù ở trong trường hay ở ngoài nhà trường.

b) **Các điều kiện CSVC** gồm: phòng thí nghiệm, thực hành nghiên cứu; thiết bị chuyên dụng và chế độ duy trì vận hành; các phòng làm việc; thông tin khoa học và tạp chí khoa học. Nhìn

chung, khi nhìn vào kết quả NCKH về bài báo khoa học, sách, kết quả ứng dụng và chuyển giao, đội ngũ các nhà khoa học ở thế hệ kế tiếp, điều kiện phòng thí nghiệm..., chúng ta có thể xác nhận được chất lượng môi trường khoa học công nghệ - yếu tố quan trọng của chất lượng ĐT của nhà trường đó. Từ đây, cũng có thể xác nhận chất lượng ĐT đích thực của một nhà trường.

3. **Điều kiện để thực hiện: Môi trường GDDH** là nhân tố quyết định phẩm chất và năng lực người chuyên gia; xây dựng và hoàn thiện môi trường GDDH tốt có tác dụng **tăng chi số hấp dẫn** đối với cơ sở giáo dục, trong đó trách nhiệm thuộc về các thành viên trong tổ chức: nhà quản lí, giảng viên và SV. Môi trường tốt là nơi uơm mầm tài năng, duy trì sức sáng tạo và đổi mới. Các yếu tố cơ bản của môi trường giáo dục gồm: các quan hệ chuyên môn bên trong và bên ngoài nhà trường, các điều kiện về CSVC thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu; đặc biệt là sự tích cực và nỗ lực của giảng viên và SV là chỉ số đảm bảo cho sự phát triển bền vững; các chính sách cụ thể của cơ sở giáo dục có tác dụng hỗ trợ tạo động lực cho HĐ của con người. Nghiên cứu phát triển môi trường GDDH là nội dung trọng tâm của khoa học giáo dục hiện đại; các tiêu chí của môi trường có tác dụng định hướng phát triển, là điều kiện đảm bảo chất lượng và là nhân tố cực kì quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách người trí thức tương lai. Bản chất của việc tạo lập môi trường giáo dục hiện đại chính là thể hiện tinh thần **dân chủ hóa nhà trường**, kích thích sáng tạo và góp phần thực hiện cuộc vận động **trường học thân thiện, học sinh tích cực**, là điều kiện cơ bản để hiện thực hóa chủ trương **đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục** trong giai đoạn hiện nay.

4. **Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam** trước hết là đề cập đến vấn đề nhận thức, phương pháp tiếp cận một vấn đề rất phức tạp đó là quá trình giáo dục của con người - đối tượng nghiên cứu của khoa học giáo dục. «Căn bản» chính là tìm đến bản chất, cốt lõi của vấn đề giáo dục, đó chính là: mục tiêu giáo dục nhân cách - mục tiêu nhân văn cao cả; nội dung học vấn thiết thực đối với sự phát triển con người; phương thức giáo dục phù hợp với độ tuổi và năng lực từng người; cách đánh giá chất lượng phù hợp với mục tiêu, phù hợp với điều kiện xã hội... «Toàn diện» chính là đòi hỏi cách tiếp cận hệ thống, xem xét vấn đề giáo dục trong các mối quan hệ với kinh tế - xã hội, văn hóa - lịch sử, quốc gia - quốc tế... trong đó sự phát triển của con người Việt Nam là quyết định; và phát triển của giáo dục gắn liền  
(Xem tiếp trang 10)

thành phố và thị xã. Mặt khác, tâm lý học cao hơn không những chỉ ở lĩnh vực kỹ thuật mà còn ở cả các lĩnh vực khoa học khác là đặc điểm cần được tôn trọng, thì mô hình hiện nay chưa thuận lợi; tính kinh tế GD chưa cao; + Cơ cấu hệ thống GD quốc dân hiện nay bất thuận cho việc phân luồng HS sau THCS. Hai biểu hiện có ảnh hưởng lớn nhất đến phân luồng là phát triển quá lớn quy mô GD THPT và GD ĐH; + Cơ quan quản lý GD ở địa phương chưa có những giải pháp mạnh mẽ trong việc chỉ đạo công tác phân luồng HS sau THCS.

Các nguyên nhân nói trên quan hệ tương hỗ với nhau, cùng tác động vào việc phân luồng HS sau THCS.

...

Phân luồng HS sau THCS là một nhiệm vụ quan trọng, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế thời kỳ CNH, HDH. Thực trạng HS sau THCS ở Hải Dương chủ yếu lựa chọn vào học THPT và định hướng học ĐH đã gây mất cân đối về cơ cấu trình độ đào tạo và lãng phí trong GD-ĐT. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên. Trong đó, có những nguyên nhân thuộc về địa phương, có những nguyên nhân phạm vi cả nước. Việc xác định rõ thực trạng và nguyên nhân thực trạng là một trong những cơ sở

để đề ra các giải pháp đẩy mạnh công tác phân luồng HS sau THCS, góp phần chuẩn bị nhân lực cho công cuộc CNH, HDH địa phương. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương. Chỉ thị số 10/GDMN ngày 5/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn.
2. Bộ GD-ĐT. Báo cáo về Thực trạng và giải pháp phân luồng học sinh THCS và THPT. Kỷ yếu hội thảo các giải pháp phân luồng học sinh sau THCS và THPT ngày 11/9/2009, Hà Nội.
3. Sở GD-ĐT Hải Dương. Báo cáo tình hình phát triển giáo dục - đào tạo 2006-2010, kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2010-2011, phương hướng nhiệm vụ năm học 2011-2012, Hải Dương.

#### SUMMARY

*In Hai Duong, most students, after finishing lower-secondary education, go to upper-secondary schools, and then to universities. There are many causes of this situation which are the matter of awareness, the labour market, the information on demand for employment, the mechanism and policies, the ineffectiveness in career-oriented education, the lack of continuation in training, the lack of appropriate model on vocational education, the inappropriate structure of national education system and the poor management and direction.*

## Xây dựng và hoàn thiện...

(Tiếp theo trang 4)

với bối cảnh xã hội với một hệ thống các quan hệ phức tạp đã quy định cách tiếp cận giáo dục - cách tiếp cận hệ thống. Quan niệm «đổi mới» chính là *nhận thức đúng và làm đúng* theo quy luật khách quan vốn có của sự vật hiện tượng.

Bước đầu tiên để đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục chính là xem xét lại cơ cấu hệ thống, bản chất giáo dục của chúng ta có đi đúng quy luật hay không. Đổi mới phải bắt đầu từ *nhà trường*, trong trường học «*dạy tốt - học tốt*»; người dạy và người học phải có «*kỷ cương - tình thương - trách nhiệm*»; coi lao động và HD xã hội là phương tiện để giáo dục; thực hiện «*trường ra trường, lớp ra lớp, thầy ra thầy, trò ra trò*» với nguyên lý chung: «*dân tộc - khoa học - đại chúng*»; với triết lý nội dung: trường học là nơi dung dưỡng, dạy dỗ sự trung thực với tiêu chí chân - thiện - mỹ - ích, loại bỏ những vô ích và sự giả dối. Những vấn đề trên đây không mới, nhưng đang cần làm đúng đối với hệ thống giáo dục Việt Nam. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Những bài quyết thành công của giáo dục Phần Lan. Tổng hợp theo BBC New, Bản tin giáo dục, 10/2009.
2. Dự án Phát triển giáo dục THPT - Khoá tập huấn về Phát triển chương trình (tài liệu dịch) của Ian Macpherson và Christine Ludwig, Australia, 2005.
3. Trần Khánh Đức. «Môi số vấn đề phát triển đổi ngữ giảng viên đại học trong xã hội hiện đại». *Tạp chí Giáo dục*, số 260, kì 2, tháng 4/2011.
4. David Dapice. Những mối đe dọa và triển vọng: vấn đề chuyển đổi giáo dục đại học Việt Nam. Dẫn theo: *Tuyển tập các bài nghiên cứu về giáo dục quốc tế* (Phạm Thị Ly dịch). TT nghiên cứu và giao lưu văn hóa giáo dục quốc tế. Viện NCGD - Trường DHSP TP Hồ Chí Minh, trang 314
5. Phạm Hồng Quang. *Môi trường giáo dục NXB Giáo dục*, H 2006.

#### SUMMARY

*Commenting on "basic and comprehensive renovation of education of Viet Nam", the author suggests some solutions to develop university educational environment, which emphasizes the perfect of teaching environment criteria at school level; completing science-technology criteria and conditions to perform those solutions.*